

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ GIANG**

**PHỤ LỤC 1A
THỐNG KÊ QUY MÔ DÂN SỐ CỦA THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRÀ GIANG**

(Kèm theo Đề án sắp xếp thôn số /ĐA/UBND xã Trà Giang ngày tháng 6 năm 2026)

STT	Tên thôn	Quy mô số hộ gia đình		Số dân	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Không thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại
		Quy mô số hộ gia đình (hộ)	Tỷ lệ so với tiêu chuẩn (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thôn Năng Nhượng	259	65	774		x	
2	Thôn Trục Tâm	352	88	1017		x	
3	Thôn Lăng Đông	143	36	425		x	
4	Thôn Thuyền Định	455	114	1335		x	
5	Thôn Diệm Nam	140	35	438		x	
6	Thôn Dục Dương	378	95	1124		x	
7	Thôn Dục Dương Đông	276	69	828		x	
8	Thôn Diệm Dương Đông	269	67	800		x	
9	Thôn Bích Kê	407	102	1339		x	
10	Thôn Thụy Lũng Nam	334	84	1031		x	
11	Thôn Thụy Lũng Tây	333	83	1096		x	
12	Thôn Thụy Lũng Đông	178	45	587		x	
13	Thôn Đắc Chúng Nam	341	85	1057		x	
14	Thôn Đắc Chúng Trung	299	75	925		x	
15	Thôn Đắc Chúng Bắc	248	62	780		x	
16	Thôn Hữu Bộc	299	75	904		x	
17	Thôn Tả Phụ	343	86	1059		x	
18	Thôn Dương Cước	243	61	729		x	
19	Thôn Xuân Cước	120	30	345		x	
20	Thôn Gia Mỹ	105	26	270		x	
21	Thôn Bắc Dũng	254	64	722		x	
22	Thôn Nam Hoà	279	70	853		x	
23	Thôn Thượng Hoà	150	38	432		x	
Tổng số:		6205	1551	18870			

Ghi chú:

Tỷ lệ % về quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố được tính theo tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố tương ứng quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ GIANG**

**PHỤ LỤC 2A
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRÀ GIANG**

(Kèm theo Đề án sắp xếp thôn số /ĐA/UBND xã Trà Giang ngày tháng 6 năm 2026)

STT	Sắp xếp			Thôn sau sáp nhập			Ghi chú
	Thôn						
	Tên thôn	Số hộ gia đình	Số dân	Tên thôn	Số hộ gia đình	Số dân	
1	2	3	4	9	10	11	12
1	Thôn Năng Nhượng	259	774	Trà Nam	611	1791	
2	Thôn Trục Tâm	352	1017	Trà Trung	598	1760	
3	Thôn Lăng Đông	143	425	Diệm Dương	409	1238	
4	Thôn Thuyền Định	455	1335	Dục Dương	662	1952	
5	Thôn Diệm Nam	140	438	Hồng Thái	463	1404	
6	Thôn Dục Dương	378	1124	Thống Nhất	542	1633	
7	Thôn Dục Dương Đông	276	828	Thượng Gia	788	2277	
8	Thôn Diệm Dương Đông	269	800	Đắc Chúng	888	2855	
9	Thôn Bích Khê	407	1339	Thụy Bích	511	1515	
10	Thôn Thụy Lũng Nam	334	1031	Quốc Tuấn	741	2370	
11	Thôn Thụy Lũng Tây	333	1096				
12	Thôn Thụy Lũng Đông	178	587				
13	Thôn Đắc Chúng Nam	341	1057				
14	Thôn Đắc Chúng Trung	299	925				
15	Thôn Đắc Chúng Bắc	248	780				
16	Thôn Hữu Bộc	299	904				
17	Thôn Tả Phụ	343	1059				
18	Thôn Dương Cước	243	729				
19	Thôn Xuân Cước	120	345				
20	Thôn Gia Mỹ	105	270				
21	Thôn Bắc Dũng	254	722				
22	Thôn Nam Hoà	279	853				
23	Thôn Thượng Hoà	150	432				

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ GIANG

PHỤ LỤC 5
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ, NHÀ VĂN HÓA
THÔN SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án sắp xếp thôn số /ĐA/UBND xã Trà Giang ngày tháng 6 năm 2026)

STT	Thôn	Số lượng hiện có	Phương án xử lý			Ghi chú
			Tiếp tục làm trụ sở, nhà văn hoá	Không tiếp tục sử dụng		
				Số lượng	Phương án sử dụng	
1	2	3	4	5	6	7
1	Trà Nam	2	1	1	Để làm khu tập trung Thể thao, vui chơi cho cộng đồng khu dân cư	
2	Trà Trung	2	1	1	Để làm khu tập trung Thể thao, vui chơi cho cộng đồng khu dân cư	
3	Diệm Dương	2	1	1	Để làm khu tập trung Thể thao, vui chơi cho cộng đồng khu dân cư	
4	Dục Dương	2	1	1	Để làm khu tập trung Thể thao, vui chơi cho cộng đồng khu dân cư	
5	Hồng Thái	2	1	1	Để làm khu tập trung Thể thao, vui chơi cho cộng đồng khu dân cư	
6	Thống Nhất	2	1	1	Để làm khu tập trung Thể thao, vui chơi cho cộng đồng khu dân cư	
7	Thượng Gia	4	1	3	Để làm khu tập trung Thể thao, vui chơi cho cộng đồng khu dân cư	
8	Đắc Chúng	3	1	2	Để làm khu tập trung Thể thao, vui chơi cho cộng đồng khu dân cư	
9	Thụy Bích	2	1	1	Để làm khu tập trung Thể thao, vui chơi cho cộng đồng khu dân cư	
10	Quốc Tuấn	2	1	1	Để làm khu tập trung Thể thao, vui chơi cho cộng đồng khu dân cư	
Tổng số		23	10	13		